

Số: 689 /BC-SNNMT

Hưng Yên, ngày 22 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

Tổng kết ngành Nông nghiệp và Môi trường năm 2025, triển khai nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Năm 2025, trong bối cảnh vừa thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền, vừa thực hiện nhiệm vụ chính trị về quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trước điều kiện thời tiết diễn biến bất thường, liên tục chịu ảnh hưởng của các cơn bão. Đồng thời, dịch tả lợn châu Phi tái bùng phát vào tháng 7 và kéo dài đến thời điểm này cũng gây thiệt hại không nhỏ cho ngành chăn nuôi; tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp đặc biệt là sâu cuốn lá nhỏ trên lúa Xuân mật độ rất cao, giá vật tư nông nghiệp cao; giá bán các sản phẩm nông nghiệp không ổn định trong khi chi phí đầu vào tăng cao, đặc biệt mức áp thuế mới của Mỹ... đã ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch phát triển ngành.

Thực hiện tốt chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh với nỗ lực của toàn thể nhân dân, sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản đạt kết quả khá; Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2025 ước đạt 44.918,0 tỷ đồng, tăng 4,1 % so với năm 2024. Trong đó: Trồng trọt 28.689 tỷ, tăng trưởng 4,4% so với năm 2024; chăn nuôi 18.387 tỷ đồng, tăng 3,9 % so với năm 2024; thủy sản 7.893,7 tỷ đồng tăng trưởng 3,3 % so với năm 2024. Các mô hình sản xuất lớn theo chuỗi liên kết, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, sản xuất nông nghiệp xanh, sạch tăng thể hiện rõ xu thế chuyển sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp; quyết liệt tham mưu tháo gỡ các điểm nghẽn trong quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản, môi trường; cơ bản hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn, tạo diện mạo nông thôn khang trang sạch đẹp.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

1.1. Về trồng trọt và bảo vệ thực vật

Tổng diện tích gieo cấy lúa cả năm đạt 193.526 ha¹, giảm 1,96 % so với năm 2024 (do chuyển mục đích sang đất công nghiệp, giao thông, thương mại - dịch vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng...), đạt 99,84% kế hoạch; Cơ cấu giống lúa chuyển dịch sang các giống chất lượng, diện tích gieo cấy lúa chất lượng đạt 105.880 ha, chiếm 54,71% diện tích, tăng 2,64% so với năm 2024, còn lại là diện tích gieo cấy lúa năng suất cao, chống chịu tốt với sâu bệnh. Năng suất lúa cả năm ước đạt 65,2 tạ/ha, tăng 8,08 tạ/ha so với năm 2024; sản lượng lúa cả năm ước đạt trên 1,26 triệu tấn; Cơ giới

¹ Trong đó: Vụ Xuân: Toàn tỉnh gieo, cấy được 96.813 ha đạt 100,4% kế hoạch, năng suất lúa bình quân đạt 70,41 tạ/ha, sản lượng đạt 681.632 tấn, Vụ Mùa: Toàn tỉnh gieo, cấy được 96.713 ha, đạt 99,3 % kế hoạch, năng suất lúa bình quân ước đạt 59-60 tạ/ha, sản lượng ước đạt 580.125 tấn.

hóa trong sản xuất tiếp tục được chú trọng, đến nay đã cơ giới hóa 100% khâu làm đất, 30% khâu gieo cấy, 90% khâu thu hoạch, 100% khâu xay xát lúa. Tổng diện tích rau màu năm 2025 ước đạt 92.200 ha. Diện tích cây ăn quả đến nay ước đạt 20.946 ha. Diện tích trồng cây dược liệu trên địa bàn tỉnh năm 2025 đạt 2.130,88 ha. Diện tích trồng hoa cây cảnh trên địa bàn tỉnh năm 2025 ước đạt 3.358,33 ha.

Toàn tỉnh xây dựng được 754 mô hình sản xuất lúa và rau màu tập trung (từ 05 ha trở lên đối với cây lúa, 02 ha trở lên đối với cây rau màu) với tổng diện tích là 26.267 ha (giảm 26 mô hình và 367 ha so với năm 2024²), trong đó các mô hình liên kết trong sản xuất lúa là 264 mô hình với tổng diện tích 9.453,2 ha, liên kết trong sản xuất cây rau màu là 60 mô hình với tổng diện tích 620 ha. Thực hiện Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai để phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh Thái Bình giai đoạn đến năm 2028; năm 2025, các địa phương đã triển khai thực hiện tích tụ được 167,52 ha, tổng kinh phí tỉnh đã hỗ trợ đạt trên 2,54 tỷ đồng.

Công tác bảo vệ thực vật được triển khai, thực hiện tốt, Sở đã tổ chức đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng và phân bón trên địa bàn tỉnh Hưng Yên nhằm phát hiện những vi phạm và xử lý theo quy định của pháp luật³. Thực hiện điều tra sinh vật gây hại trong kho của 86 công ty thức ăn chăn nuôi, đại lý hàng nông sản trên địa bàn tỉnh với tổng diện tích sàn kho khoảng 307.910m², tổng khối lượng nông sản bảo quản 205.830 tấn bao gồm: ngô, sắn lát, lúa mì, khô đậu, DDGS, khô cò,... Kết quả chưa phát hiện thấy các đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam, phát hiện 15 loài sâu mọt. Thực hiện tuyên truyền, tổ chức các lớp tập huấn cho người dân trên địa bàn tỉnh về nâng cao năng lực, trình độ kỹ thuật trồng, thâm canh các giống lúa mới và hướng dẫn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, kỹ thuật sản xuất cây trồng, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật... Thực hiện giám sát được 51 mã số tại 08 vùng trồng lúa với tổng diện tích 375,70ha. Điều tra giám sát ruồi đục quả tại các vùng trồng đã được cấp và đề nghị cấp mã số; Theo dõi ruồi vàng đục quả và sâu đục cuống quả thuộc đối tượng kiểm dịch của các quốc gia nhập khẩu. Thực hiện 01 Mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái; 01 Mô hình canh tác giảm phát thải khí nhà kính.

1.2. Về chăn nuôi và thú y

Chăn nuôi trên địa bàn tỉnh tiếp tục duy trì theo hướng đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ lệ các giống cao sản, nuôi thương phẩm, chất lượng con giống vật nuôi được nâng

² Do diện tích gieo cấy lúa giảm, chuyển mục đích sử dụng sang đất công nghiệp, thương mại, dịch vụ, làm đường giao thông

³ Sở Nông nghiệp và Môi trường thành lập 02 đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng và phân bón trên địa bàn tỉnh Hưng Yên tại 70 cơ sở, đồng thời lấy 08 mẫu giống lúa, 27 mẫu phân bón để kiểm định chất lượng; kết quả 03/08 mẫu giống lúa, 01/12 mẫu phân bón không đạt tiêu chuẩn chất lượng như công bố. Chi cục ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 04 cơ sở với tổng số tiền 26.660.000 đồng nộp ngân sách nhà nước. Chi cục thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong việc kinh doanh, buôn bán và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật tại 64 tổ chức, cá nhân buôn bán, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh; đồng thời lấy 99 mẫu thuốc bảo vệ thực vật gửi đơn vị có chức năng kiểm định, phân tích chất lượng thuốc; kết quả có 94/99 mẫu thuốc BVTV đạt tiêu chuẩn chất lượng như đăng ký, 01/99 mẫu không đảm bảo chất lượng; 04 mẫu đang chờ kết quả phân tích; Chi cục ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 01 cơ sở buôn bán sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật không đảm bảo chất lượng, nộp ngân sách nhà nước 1.500.000 đồng.

cao phù hợp với lợi thế vùng gắn với nhu cầu thị trường. Tổng đàn vật nuôi đến hết năm 2025 ước đạt khoảng 97.700 con trâu, bò; 1,255 triệu con lợn, khoảng 23,8 triệu con gia cầm; tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 453 nghìn tấn. Ước giá trị sản xuất chăn nuôi năm 2025 đạt 18.387 tỷ đồng, tăng 3,9% so với năm 2024. Mô hình sản xuất, liên kết chăn nuôi được đẩy mạnh, dần nâng cao hiệu quả hoạt động; toàn tỉnh có 01 hiệp hội, 40 hợp tác xã chăn nuôi, 12 tổ hợp tác chăn nuôi và 3.399 trang trại chăn nuôi và có gần 30 nghìn hộ chăn nuôi lợn; 140 nghìn hộ chăn nuôi gia cầm; 15,5 nghìn hộ chăn nuôi trâu bò.. Cơ cấu giống vật nuôi đã và đang chuyển biến theo hướng tích cực, chăn nuôi giống vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, hệ số vòng quay ngắn được đưa vào sản xuất.

Các cơ sở chăn nuôi, nhất là các trang trại chăn nuôi quy mô lớn và vừa đều áp dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới trong xử lý môi trường chăn nuôi góp phần giảm phát thải và bảo vệ môi trường sinh thái, như: Công nghệ khí sinh học, đệm lót sinh học, ủ phân compost, công nghệ vi sinh...; các công nghệ hỗ trợ xử lý chất thải chăn nuôi như: công nghệ máy sấy phân, công nghệ hóa - lý xử lý nước thải,... Toàn tỉnh có trên 26.510 công trình biogas xử lý chất thải chăn nuôi, các trang trại chăn nuôi quy mô lớn sử dụng các công trình biogas loại lớn (từ 30 m³ đến 200 m³) được lắp đặt liên hoàn để xử lý triệt để hoặc hồ khí sinh học bằng bạt nhựa HDPE (có 39 công trình thể tích trên 1.000 m³)

Tình hình dịch bệnh: Ngày 22/01/2025, trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đã phát sinh 01 ổ dịch bệnh Dịch tả lợn Châu Phi tại xã Bắc Đông Quan (xã Đông Kinh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình cũ), buộc tiêu hủy 18 con lợn (01 lợn nái và 17 lợn thịt). Ngày 17/07/2025, dịch bệnh DTLCP tái phát tại xã hộ chăn nuôi thuộc xã Đông Thái Ninh. Tính đến ngày 03/12/2025, trên địa bàn tỉnh bệnh DTLCP xảy ra tại 460 hộ trên địa bàn 137 thôn của 36 xã. Đến ngày 03/12/2025 Trên địa bàn tỉnh bệnh DTLCP xảy ra tại 460 hộ trên địa bàn 137 thôn của 36 xã; số lợn mắc, chết và tiêu hủy là 14.283 con (857 con lợn nái và 13.426 con lợn thịt); khối lượng lợn tiêu hủy 866.397 kg (khối lượng lợn nái 186.750 kg và khối lượng lợn thịt 679.648 kg). Như vậy, số lượng lợn tiêu hủy bằng 1,14% so với tổng đàn của tỉnh và 1,15% số lượng lợn tiêu hủy của toàn quốc; số xã còn dịch bệnh bằng 3,85% so với tổng số xã của tỉnh và bằng 0,12% so với tổng số xã của cả nước; số hộ bị dịch bệnh của tỉnh bằng 1,53% so với tổng số hộ chăn nuôi lợn trên địa bàn tỉnh và bằng 0,26% so với tổng số hộ bị dịch bệnh của cả nước. Hiện tại, còn 03 xã đang phát sinh dịch bệnh chưa qua 21 ngày: Quỳnh An, Diên Hà, Thần Khê. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chỉ đạo các đơn vị chuyên môn kịp thời xử lý dịch bệnh trên địa bàn tỉnh tránh lan rộng.

Công tác Giám sát, kiểm tra, tiêm phòng dịch bệnh trên động vật được duy trì thường xuyên, liên tục; lấy 64 mẫu tại các cơ sở chăn nuôi (kết quả phân tích mẫu có 58 mẫu dương tính với bệnh DTLCP, có 06 mẫu âm tính với bệnh DTLCP). Công

tác kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y được thực hiện theo quy định⁴.

1.3. Về biển và thủy sản

Năm 2025, tăng trưởng thủy sản ước đạt 3,3% so với cùng kỳ năm 2024; giá trị sản xuất thủy sản ước đạt 7.893,7 tỷ đồng. Tổng sản lượng thủy sản năm 2025 ước đạt: 358,7 nghìn tấn, tăng 3,18% so với cùng kỳ năm 2024, trong đó: Sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 107 nghìn tấn, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm 2024 (*khai thác nước mặn 102,6 nghìn tấn, sản lượng khai thác nước ngọt 4,3 nghìn tấn*); Sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 351,7 nghìn tấn, tăng 3,2% so với năm 2024 (*Ngao 123 nghìn tấn, nước lợ 17,9 nghìn tấn, nước ngọt 110,7 nghìn tấn*)

Tổng diện tích nuôi đạt hơn 19.921 ha, giảm 558,1 ha so với năm 2024 và bằng 98,94 % theo kế hoạch đề ra⁵. Tổng số lồng nuôi trên địa bàn tỉnh đạt 1.024 lồng/131.293 m³/64 cơ sở tăng 5.770 m³ so với năm 2024 (số lồng thực nuôi là 952 lồng/122.162 m³), đến nay, đã cấp 34 giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè cho 34 cơ sở/570 lồng nuôi. Các đối tượng nuôi trong lồng bao gồm: Cá lăng, điêu hồng, trắm, chép, ngạnh, trắm đen..., trong đó nuôi chủ yếu là cá lăng, chép, trắm và điêu hồng. Nuôi hầu cửa sông đạt 2.110 bè thuộc cửa sông trên địa bàn xã Hưng Phú, tăng 910 bè so với năm 2024. Tăng cường công tác quản lý giống thủy sản trên địa bàn tỉnh, sản lượng giống sản xuất năm 2025 ước đạt 1.315 triệu con⁶. Tổ chức thực hiện hướng dẫn, kiểm tra điều kiện của cơ sở sản xuất, mua bán thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản⁷. Kịp thời xử lý dịch bệnh đốm trắng đã xảy ra trên địa bàn xã Đồng Châu, Nam Cường, Đông Thái Ninh là 430 hộ/881 ao nuôi, số lượng tôm chết 1.720 vạn con/942.519 m². Triển khai tổ chức thực hiện Đề án, mô hình nuôi trồng thủy sản đảm bảo tiến độ chất lượng thời gian theo quy định.

Sở tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 03/CT/TU ngày 05/11/2025 về việc tập trung thực hiện tháng cao điểm chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU) và phát triển bền vững ngành thủy sản và ban hành 17 văn bản chỉ đạo, điều hành. Tăng cường công tác quản lý, đăng ký, đăng kiểm tàu cá trên địa bàn tỉnh đảm bảo quản lý 100% tàu cá, thực hiện công tác đăng ký, đăng kiểm tàu cá theo đúng quy định. Hướng dẫn trình tự, hồ sơ cấp giấy phép khai thác, đăng ký, đăng kiểm tàu cá cho bà con ngư dân

⁴ Kết quả trong năm 2025 đã kiểm tra và cấp 10.810 giấy Chứng nhận kiểm dịch động vật, 5.703 giấy Chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật với: 12.557 con trâu, bò; 22.179.907 con gia cầm; 659.330 con lợn; 04 con chó mèo; 28.127.050 kg thịt gia súc, gia cầm; 915.512 kg bì lợn, phụ phẩm động vật; 2.594.191 kg xúc xích, thịt hun khói; 120 kg lông vũ; 933.000 quả trứng; 3.453.536 kg chân gà đông lạnh; 383.500 con cá giống; 95.000 con lươn.

⁵ Nước mặn tiếp tục duy trì diện tích nuôi ngao 3.169 ha; diện tích nuôi nước lợ đạt 2.933,15 ha (*giảm 323,33 ha chuyển sang phục vụ Quy hoạch khu kinh tế ven biển*), trong đó: diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng đạt 314,46 ha tăng 37,1 ha so với năm 2024 (*trong đó, diện tích nuôi tôm công nghệ cao 107,3 ha, tăng 27 ha*); nước ngọt 13.819,61 ha (*giảm 234,77 ha chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp*).

⁶ (Ngao 1.000 triệu giống, hồng Mỹ 2,4 triệu con, cá nước ngọt các loại 312,6 triệu con)

⁷ Thực hiện kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản cho 02 cơ sở. Thực hiện kiểm tra duy trì điều kiện đối với 13 cơ sở sản xuất thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản. Kết quả: 12 cơ sở đảm bảo duy trì điều kiện sản xuất; 01 cơ sở chưa đạt yêu cầu; Chi cục đã tham mưu Thanh tra Sở ra Quyết định số 20/QĐ-XPHC về xử phạt hành chính đối với 01 cơ sở, lý do: vi phạm quy định duy trì điều kiện cơ sở sản xuất thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, số tiền xử phạt: 50 triệu đồng. Thực hiện kiểm tra chất lượng thức ăn thủy sản tại 04 cơ sở sản xuất thức ăn theo Kế hoạch số 07/KH-CCBTS ngày 07/10/2025, kết quả kiểm tra: Chất lượng thức ăn thủy sản tại các cơ sở sản xuất đều đảm bảo phù hợp quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và theo tiêu chuẩn tự công bố. Ban hành 24 thông báo tiếp nhận hợp quy đối với 213 sản phẩm của 16 cơ sở sản xuất thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

trong tỉnh. Kết quả: Tổng số tàu cá đã được đăng ký và nhập vào phần mềm dữ liệu tàu cá Quốc gia Vnfishbase 734 tàu cá⁸. 129/129 tàu cá (100%) tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, cấp giấy phép khai thác thủy sản, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm. 100% tàu cá đủ điều kiện khai thác thủy sản đã được cấp giấy phép khai thác thủy sản; số tàu còn hạn 730/734 tàu cá 99,5 %, số tàu cá hết hạn chưa cấp lại 4 tàu cá, tỷ lệ 0,5 %. Thường xuyên nắm bắt tình hình hoạt động khai thác thủy sản về cơ cấu nghề nghiệp, ngư trường, mùa vụ, đối tượng thủy sản khai thác, kịp thời tham mưu Lãnh đạo Sở chỉ đạo công tác sản xuất khai thác trên biển đảm bảo an toàn và hiệu quả. Tham mưu, tổ chức thực hiện thành công Tuần lễ biển và hải đảo năm 2025. Ban hành Văn bản tăng cường công tác quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Hưng Yên.

Tăng cường tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác thủy sản. Thực hiện nhiệm vụ điều tra sản lượng khai thác lượng khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Thái Bình theo đúng tiến độ. Thực hiện Dự án điều tra đánh giá nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sản ở vùng biển ven bờ và vùng lòng phục vụ công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản và quản lý nghề cá tỉnh Thái Bình. Triển khai thực hiện Thả giống tái tạo Nguồn lợi thủy sản ra thủy vực tự nhiên với hơn 109,99 vạn con giống, các đối tượng cá trắm đen, cá chép, trắm cỏ, rô đồng, Mrigal, cá vược, tôm sú post 15, cua xanh. Phối hợp với Đoàn Biên phòng Cửa Lân, UBND xã Nam Cường và các đơn vị, cá nhân có liên quan tiến hành lập biên bản tiêu huỷ (chôn) 01 cá thể cá nhám voi đã chết theo đúng quy định. Theo dõi, nắm bắt hoạt động khai thác, gây nuôi, vận chuyển, mua bán tiêu thụ các loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm, loài thủy sản ngoại lai trên địa bàn tỉnh, đến thời điểm hiện tại chưa phát hiện trường hợp nào.

1.4. Về lâm nghiệp và bảo tồn thiên nhiên

Tiếp tục làm tốt công tác quản lý, bảo vệ an toàn cho 4.155,51ha rừng hiện có, duy trì độ che phủ rừng 1,54% và diện tích rừng mới trồng; không xảy ra các vụ việc phá rừng nghiêm trọng; các vụ xâm hại đến rừng đều được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời theo quy định; không xảy ra cháy rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng trái phép. Thực hiện việc chăm sóc, trồng dặm và bảo vệ diện tích rừng trồng chưa thành rừng thuộc dự án Phục hồi và phát triển rừng ven biển Thái Bình giai đoạn 2016 – 2020; toàn tỉnh đã thực hiện trồng mới 13 ha rừng, đã nghiệm thu kết thúc đầu tư và bàn giao 15.23 ha rừng, trong chương trình “ Trồng một tỷ cây xanh” đã trồng được 1,482 triệu cây phân tán các loại.

Kiểm tra các cơ sở chế biến, kinh doanh, nơi cất giữ gỗ và gây nuôi động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2025. Đã kiểm tra 165 cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến gỗ và gây nuôi động vật hoang dã (gồm 22 tổ chức + 143 cá nhân). Đã xử phạt 01 vụ vi phạm hành chính về quản lý hồ sơ lâm sản trong vận chuyển, mua bán, cất giữ, chế biến lâm sản, phạt 3.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba triệu đồng*) đã thu nộp ngân sách nhà nước. Phối hợp với UBND xã Vạn Xuân và các lực lượng

⁸ Tàu cá có chiều dài lớn nhất $L \geq 24m$: 20 tàu; tàu có chiều dài từ 15m đến 24m: 109 tàu; tàu có chiều dài từ 12m đến 15m: 263 tàu; tàu có chiều dài 6- 12m: 342 tàu; 100% tàu cá đã được đánh dấu sơn ca bin, kê biển số theo quy định.

chức năng xã vầy bắt được 10 cá thể Khỉ đuôi dài (*Macaca fascicularis*) nhóm IIB, trong đó có 02 cá thể bị chết do sức khoẻ yếu, đã được UBND xã tiêu huỷ theo đúng quy định; đã tiếp nhận và cứu hộ 09 cá thể động vật hoang dã và bàn giao cho Trung tâm Du lịch và Bảo tồn sinh vật Hoàng Liên - Vườn Quốc gia Hoàng Liên; Phối hợp Ủy ban nhân dân xã, phường tiếp nhận và bàn giao 16 cá thể động vật hoang dã bàn giao cho Trung tâm Du lịch và Bảo tồn sinh vật Hoàng Liên - Vườn Quốc gia Hoàng Liên và Trung tâm Cứu hộ, bảo tồn và Phát triển sinh vật - Vườn Quốc gia Cúc Phương;

Thực hiện Kế hoạch tuần tra ngăn chặn các hành vi săn bắn, nuôi nhốt động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh, phối hợp với lực lượng chức năng các xã tổ chức tuần tra, kiểm tra, xử lý các hành vi dùng lưới bẫy bắt chim hoang dã, chim di cư⁹. Thực hiện Kế hoạch 628/KH-BCA-BNN&MT ngày 17/10/2025, Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 12/11/2025 về việc tuyên truyền, đấu tranh, xử lý góp phần ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến bảo vệ các loài động vật hoang dã, bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; tổ công tác liên ngành phối hợp với Ủy ban nhân dân, Công an các xã, phường tổ chức 08 đợt tuần tra, kiểm tra đã phát hiện 15 vụ việc có dấu hiệu vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã. Tổ công tác đã lập biên bản vụ việc và bàn giao vụ việc, tang vật cho Ủy ban nhân dân, Công an các xã, phường xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật: Kết quả: Tái thả tại chỗ 02 cá thể Vạc, 03 cá thể Diệc; tháo dỡ, tiêu hủy tại chỗ 1600 m chiều dài lưới bẫy; tịch thu 10 loa kêu gọi, 02 ắc quy, 04 âm li, 01 đầu đọc thẻ nhớ, 01 USB. Thực hiện Tuần tra kiểm soát 02 Khu bảo tồn; triển khai xây dựng Phương án Quản lý rừng bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Thụy làm cơ sở xây dựng Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong phạm vi Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Thụy: rà soát, lập bản vẽ đo đạc bổ sung bản đồ địa chính; điều tra ngoại nghiệp, tổng hợp số liệu,...

2. Về công tác thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai và quản lý xây dựng công trình

Tăng cường quản lý nhà nước về thủy lợi, đê điều và phòng chống thiên tai, Sở chỉ đạo đơn vị chuyên môn tích cực tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thủy lợi, đê điều. Thường xuyên kiểm tra hệ thống đê, kè, cống và các công trình phụ trợ trên đê. Hàng tháng Chi cục thông báo tình hình quản lý đê điều tới các xã, phường có đê, trong đó đề nghị chính quyền địa phương tổ chức, xử lý, giải tỏa các vi phạm pháp luật đê điều còn tồn đọng, mới phát sinh và các bên bãi kinh doanh vật liệu xây dựng hoạt động, không phép, trái phép; kịp thời phát hiện và xử lý các vụ vi phạm về đê điều. Từ đầu năm 2025 đến nay, trên địa bàn tỉnh có 65 vụ vi phạm Luật Đê điều, đã xử lý dứt điểm 12 vụ vi phạm, còn tồn tại 53 vụ. Phối hợp với các chủ đầu tư, đơn vị liên quan và địa phương triển khai thi công 18 dự án trong năm 2025.

⁹ Kết quả: Tái thả tại chỗ 103 cá thể vạc, diệc các loại; tịch thu 72 loa kêu gọi, 27 âm li, 12 bình ắc quy, 05 đầu đọc thẻ nhớ, 17 USB; tháo dỡ và tiêu hủy (cắt, đốt) tại chỗ khoảng 21.790 m chiều dài lưới bẫy về hành vi giăng lưới, bẫy bắt chim hoang dã tại tuyến đường bộ ven biển, khu vực nội đồng, khu vực đầm giáp rừng ngập mặn. Tại thời điểm kiểm tra, không có tổ chức, cá nhân nào nhận là chủ sở hữu của số lưới, dụng cụ trên, không xác định được đối tượng vi phạm. Bàn giao lại dụng cụ cho UBND, Công an xã tạm giữ, xác minh đối tượng để xử lý theo quy định;

Kiểm tra đôn đốc chỉ đạo Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc và Nam Thái Bình phối hợp các địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc Đề án công tác thủy lợi phục vụ sản xuất vụ Xuân, vụ Hè năm 2025.

Thường trực theo dõi diễn biến mực nước và công tác điều hành, vận hành công trình thủy lợi trên các hệ thống thủy lợi Hưng Yên, Bắc Hưng Hải, Bắc Thái Bình và Nam Thái Bình. Thường xuyên thông báo diễn biến nguồn nước, tình hình xâm nhập mặn trên các sông tới các đơn vị cấp nước để các đơn vị cấp nước chủ động trong việc khai thác nguồn nước để xử lý. Tổ chức, triển khai thực hiện thường trực 24/24 từ ngày 05/5/2025 về công tác phòng, chống thiên tai để theo dõi, cập nhật thông tin về diễn biến của thiên tai, tham mưu đề xuất các biện pháp triển khai công tác phòng, chống thiên tai trên phạm vi toàn tỉnh. Sở kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành một số văn bản: Công điện số 02/CĐ-UBND ngày 18/4/2025 về việc tăng cường xử lý vi phạm xây dựng công trình trái phép trên đất nông nghiệp, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông; Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 21/5/2025 của UBND tỉnh về Chỉ thị về việc tăng cường công tác quản lý bảo đảm an toàn công trình đê điều, thủy lợi; ban hành 03 Giấy phép hoạt động liên quan đến đê điều và các văn bản về công tác quản lý đê điều trên địa bàn tỉnh; 13 công điện, 01 công văn, 03 báo cáo về ứng phó với bão, lũ, áp thấp nhiệt đới, mưa dông, mưa lớn cục bộ, lốc, sét và gió giật mạnh, không khí lạnh tăng cường, rét đậm, rét hại, ngập lụt khu vực cửa sông, ven biển, xả lũ do hồ chứa. Chủ động rà soát, điều chỉnh các Báo cáo phân loại trọng điểm xung yếu đê, kè, cống năm 2025; Báo cáo đánh giá hiện trạng công trình đê điều trước mùa lũ, bão năm 2025; phê duyệt Phương án bảo vệ trọng điểm xung yếu cấp tỉnh năm 2025.

Tổ chức triển khai công tác tập huấn công tác phòng, chống thiên tai và các biện pháp xử lý giờ đầu đối với những sự cố hư hỏng của đê, kè, cống trong mùa lũ bão cho các cán bộ, công chức, viên chức tại các xã và tại đơn vị. Các Hạt quản lý đê điều khu vực phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã có đê tổ chức thu dọn diêm gác nước, treo băng rôn, khẩu hiệu, phát quang giải phóng mái đê và chân đê giúp cho công tác tuần tra, canh gác đê được chủ động, đảm bảo việc phát hiện và xử lý giờ đầu các sự cố đê điều thuận lợi, hiệu quả hơn. Thường xuyên nắm bắt tình hình cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh, kịp thời chỉ đạo các đơn vị cấp nước sạch trong việc khắc phục việc cấp nước nhằm đảm bảo cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân.

Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý với vai trò là cơ quan chuyên môn về xây dựng công trình chuyên ngành của UBND tỉnh theo quy định của pháp luật. Sở ban hành 97 văn bản lĩnh vực quản lý chất lượng xây dựng công trình; đã thẩm định 20 hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi; đã thẩm định 31 hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; đã thẩm định 23 hồ sơ Thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở; đã thực hiện Kiểm tra công tác nghiệm thu 19 công trình. Tiếp tục xử lý, giải quyết 01 hồ sơ thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi; 02 hồ sơ thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở; 03 hồ sơ thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật; 01 hồ sơ kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành; Theo dõi 10 hồ sơ đã có thông báo khởi công để thực hiện công tác quản lý chất lượng xây dựng.

3. Về công tác xây dựng nông thôn mới, phát triển nông thôn; chất lượng, chế biến và phát triển thị trường

Tại thời điểm trước khi họp nhất tỉnh (ngày 30/6/2025), toàn bộ 341 xã (trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và tỉnh Thái Bình cũ) đã đạt chuẩn nông thôn mới (*đạt 100%*); có 163/341 xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao (*chiếm 47,8%*); có 57/341 xã đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu (*chiếm 16,7%*). Đến nay, toàn tỉnh có 606 lượt sản phẩm tham gia đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP của 560 sản phẩm¹⁰; 760 HTX nông nghiệp (tăng 06 HTX so với năm 2024)¹¹; 1.390 trang trại (tăng 30 trang trại so với năm 2024)¹²; 177 làng nghề¹³. Sở đã hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng và duy trì phát triển 480 mô hình liên kết chuỗi sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (tăng 10 mô hình so với năm 2024);

Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2025 tỉnh Hưng Yên là 11.089 hộ nghèo, tỷ lệ 1,05%; hộ cận nghèo là 12.963 hộ, tỷ lệ 1,23%. Thực hiện Đề án xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng số hộ người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo của tỉnh Hưng Yên sau hợp nhất được hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát là 4.374 hộ¹⁴. Công tác bàn giao, thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Phối hợp cùng Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thực hiện chuyên mục “Xây dựng nông thôn mới” và tiểu phẩm truyền hình “Chuyện làng quê”; duy trì hoạt động của Website “nongthonmoihungyen.vn”. quảng bá tuyên truyền thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, tờ rơi và trực tuyến (thông qua hệ thống website, như: website “Chương trình OCOP tỉnh Hưng Yên” và page facebook “Sản phẩm OCOP tỉnh Hưng Yên” thu hút trên 4.000 lượt theo dõi, hàng trăm đơn hàng giao dịch thành công,...);

Công tác giám sát an toàn thực phẩm được thực hiện đúng quy định, đã thành lập 07 đoàn giám sát điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm lấy 1.151 mẫu; kiểm tra 158 đơn vị¹⁵. Năm 2025, tổ chức 159 lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo với 7.770 người tham gia cho các đơn vị, cá nhân sản xuất kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy

¹⁰ Trong đó 454 sản phẩm đạt 3 sao, 106 sản phẩm đạt 4 sao, với tổng số 303 cơ sở sản xuất

¹¹ Trong đó, có 464 HTX tổ chức lại hoạt động và 296 HTX thành lập mới; các HTX thu hút 424.480 thành viên (tăng 80 thành viên so với năm 2024), bình quân 559 thành viên/HTX; có 1.046 THT nông nghiệp (tăng 136 THT so với năm 2024); có 02 liên hiệp HTX nông nghiệp (gồm: Liên hiệp HTX nông nghiệp Khoái Châu và Liên hiệp HTX nông nghiệp Thái Bình); có 97 HTX đang ứng dụng công nghệ cao trong các khâu sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản (82 HTX lĩnh vực trồng trọt; 09 HTX lĩnh vực chăn nuôi; 06 HTX lĩnh vực thủy sản). Tổng doanh thu của các HTX đạt 1.405,8 tỷ đồng (tăng 35 tỷ đồng so với năm 2024), bình quân doanh thu 1,85 tỷ đồng/HTX, lợi nhuận bình đạt 200 triệu đồng/HTX

¹² Tạo việc làm cho khoảng 3.933 người, bình quân có 3 lao động/trang trại, tổng doanh thu các trang trại đạt 4.336,6 tỷ đồng, bình quân khoảng 3,1 tỷ đồng/trang trại

¹³ Trong đó có 160 làng nghề đã được UBND tỉnh công nhận đạt tiêu chí; có 49 sản phẩm của các làng nghề tham gia đánh giá xếp hạng sản phẩm OCOP, trong đó có 31 sản phẩm đạt hạng 03 sao và 18 sản phẩm đạt hạng 04 sao; có 67.487 cơ sở sản xuất trong 160 làng nghề (16 hợp tác xã, 998 tổ hợp tác, 406 doanh nghiệp, 32.328 hộ).

¹⁴ (trong đó xây mới 2.560 hộ, sửa chữa 1.814 hộ) với tổng kinh phí hỗ trợ 346,7 tỷ đồng. Cụ thể, tỉnh Thái Bình cũ đã thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát cho 3.007 hộ (xây mới 1.926 hộ, sửa chữa 1.081 hộ), kinh phí hỗ trợ 246,65 tỷ đồng; tỉnh Hưng Yên cũ đã thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát cho 1.367 hộ (xây mới 634 hộ, sửa chữa 733 hộ), kinh phí hỗ trợ 100,05 tỷ đồng.

¹⁵ Đã thành lập 07 đoàn giám sát điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm (*trong đó 01 đoàn đang triển khai*), 24 đợt lấy mẫu kiểm soát vệ sinh ATTP trong thu hoạch NT2MV và Giám sát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi. Tiến hành lấy 1.151 mẫu, gồm: 903 mẫu kiểm tra định tính (trong đó có 330 mẫu thực phẩm nguồn gốc động vật, 559 mẫu thực phẩm nguồn gốc thực vật, 14 mẫu thực phẩm nguồn gốc thủy sản) và 248 mẫu thực phẩm kiểm tra định lượng (trong đó có 79 mẫu thực phẩm nguồn gốc thực vật, 56 mẫu thực phẩm nguồn gốc động vật, 65 mẫu thực phẩm nguồn gốc thủy sản, 48 mẫu nước biển). Kết quả, 114/1.151 mẫu vi phạm (*chiếm 9,9%*). Thực hiện cấp 1.228 giấy chứng nhận xuất xứ nuyễn thể 2 mảnh vỏ với tổng sản lượng 31.895 tấn Nghêu Bền tre tại vùng thu hoạch Tiền Hải. Thực hiện kiểm tra tại 158 đơn vị, gồm: 10 xã, phường thị trấn 148 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản; lấy 104 mẫu (trong đó, 26 mẫu kiểm tra nhanh, 78 mẫu kiểm nghiệm chất lượng về ATTP). Kết quả: 87 mẫu không phát hiện vi phạm, 04 mẫu vi phạm một số chỉ tiêu về ATTP, 13 mẫu đang chờ kết quả phân tích. 9 cơ sở vi phạm với tổng số tiền là 100.417.500 đồng nộp ngân sách nhà nước theo quy định

sản; hướng dẫn, phổ biến cho một số công chức cấp xã được phân công tham mưu về an toàn thực phẩm của UBND cấp xã về nghiệp vụ lấy mẫu kiểm tra nhanh một số chỉ tiêu về ATTP; tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm, ứng dụng chuyển đổi số; hướng dẫn thực hiện tự công bố, ghi nhãn sản phẩm và xây dựng quy trình thực hành sản xuất tốt (GMP) và thực hành vệ sinh tốt (SOP) trong lĩnh vực sơ chế, chế biến và phát triển thị trường nông sản,... Phối hợp với Đài phát thanh và Truyền hình trung ương xây dựng 01 phóng sự về sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản theo chuỗi đảm bảo an toàn; với Báo Hưng Yên xây dựng 5 clip, 08 tin bài, 05 băng rôn khẩu hiệu. Triển khai nhiều chương trình hội nghị, tham gia và giới thiệu các cơ sở tham gia các diễn đàn tuần hàng trong và ngoài tỉnh nhằm đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tăng cường quảng bá sản phẩm nông sản, thủy sản tại địa phương; hỗ trợ cơ sở sản xuất kinh doanh tham dự hội nghị kết nối, xúc tiến thương mại nông lâm thủy sản tại các tỉnh như: Hà Nội, Cao Bằng, Bắc Ninh, Thanh ... Phối hợp tổ chức hội nghị cập nhật các quy định và cam kết về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) trong hiệp định RCEP ASEAN với Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Niu Di – Lân. Tổ chức 03 hội nghị triển khai công tác thúc đẩy chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, hướng dẫn người dân, đơn vị sản xuất kinh doanh xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, kết nối và xúc tiến thương mại sản phẩm trong nước và ngoài nước với gần 300 người tham dự.

4. Về công tác quản lý đất đai

Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 08/9/2025 về tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các công trình xây dựng trái quy định vi phạm về đất đai, xây dựng, giao thông, thủy lợi, đề điều trên địa bàn tỉnh; trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết ban hành Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm theo Nghị quyết số 171/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội; Ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch, danh mục thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2025; chỉ đạo giải quyết việc miễn tiền thuê đất đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; Cho thuê đất đối với các dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại các Cụm công nghiệp; Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 82/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội; Báo cáo kết quả triển khai thi hành Luật Đất đai; xem xét, chấp thuận danh mục dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất mà có diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất theo quy hoạch; ban hành các Chỉ thị về tăng cường công tác quản lý về đất đai¹⁶. Thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp; Sở đã tham mưu UBND tỉnh thành lập Tổ công tác xây dựng cơ chế, chính sách về bồi thường hỗ trợ, tái định cư tỉnh Hưng Yên (Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND tỉnh); thành lập Tổ rà soát chính sách về bồi thường, hỗ trợ (Quyết định số 242/QĐ-SNNMT ngày 13/8/2025 thành lập Tổ soạn thảo Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên sau khi hợp nhất). Sở đã thành lập 04 Đoàn công tác chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền

¹⁶ Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 24/10/2025; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 06/5/2025

với đất lần đầu thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã kể từ khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (Quyết định số 359/QĐ-SNNMT ngày 11/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường); thành lập Tổ công tác đơn đốc, hướng dẫn việc thực hiện công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (Quyết định số 226/QĐ-SNNMT ngày 07/8/2025);...Đồng thời thường xuyên hướng dẫn giải quyết các khó khăn vướng mắc trong công tác giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khi triển khai thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 cho 104 xã, phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Sở trình UBND tỉnh để ban hành Quyết định phê duyệt nội dung và kết quả rà soát phương án giá đất đối với 16 dự án theo Kết luận số 3136/KL-TTCTP ngày 28/12/2023 của Thanh tra Chính phủ.

Về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất: Sở đã thẩm định, trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh 358 hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, gia hạn sử dụng đất, gia hạn tiến độ sử dụng đất, chấp thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thu hồi đất, điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất với diện tích 1.808,64 ha; đến nay UBND tỉnh đã ký 326 hồ sơ, diện tích 1.607,67 ha. Thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, diện tích 25,21 ha.

Về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Tỉnh Thái Bình (cũ), Sở đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đối với 07/8 huyện, thành phố¹⁷; phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của 08/8 huyện, thành phố; phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của 05/8 huyện, thành phố¹⁸. Tỉnh Hưng Yên (cũ), Sở đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đối với 09/10 huyện, thị xã, thành phố¹⁹; phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của 10/10 huyện, thành phố, thị xã; phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của 03/10 huyện, thành phố, thị xã²⁰.

Về công tác thống kê đất đai; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất: Sở trình UBND tỉnh cấp 926 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; chuyển 173 Phiếu chuyển thông tin đến Thuế tỉnh Hưng Yên để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai. Sở đã báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh kết quả thực hiện kiểm kê đất đai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (Báo cáo số 136/BC-SNNMT ngày 21/8/2025).

Về xây dựng bảng giá đất năm 2026 và xác định giá đất: Trước ngày 01/7/2025, Sở ban hành Quyết định phê duyệt phương án giá đất cụ thể khi nhà nước giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất đối với 22 dự án (Hưng Yên cũ 20 dự án,

¹⁷ Gồm: Thành phố Thái Bình, các huyện: Đông Hưng, Hưng Hà, Quỳnh Phụ, Kiến Xương, Thái Thụy, Vũ Thư

¹⁸ Gồm: Thành phố Thái Bình, các huyện Quỳnh Phụ, Vũ Thư, Kiến Xương, Hưng Hà

¹⁹ Gồm: Thành phố Hưng Yên, thị xã Mỹ Hào, các huyện Ân Thi, Tiên Lữ, Yên Mỹ, Phù Cừ, Văn Giang, Khoái Châu, Kim Động

²⁰ Gồm: Các huyện Tiên Lữ, Khoái Châu và Mỹ Hào

Thái Bình cũ 02 dự án); trình Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt giá đất ở đối với 10 khu dân cư chưa có trong Bảng giá đất theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện (Thái Bình cũ). Từ ngày 01/7/2025, Sở trình Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể tỉnh thẩm định 10 phương án giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các dự án; trình UBND tỉnh phê duyệt 06 phương án giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền sử dụng đất. Hiện nay, Sở đã trình UBND tỉnh Nghị quyết quy định về Bảng giá đất áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên tại Tờ trình số Tờ trình số 596/TTr-SNNMT ngày 11/12/2025.

Về công tác giải phóng mặt bằng: Sở thường xuyên ban hành các văn bản trả lời, hướng dẫn các xã, phường khó khăn, vướng mắc liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng, định giá đất cụ thể, đề xuất các khoản hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất, giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn tỉnh; tham mưu tổ giúp việc xây dựng báo cáo dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Đôn đốc các xã, phường tổng hợp báo cáo tiến độ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng các dự án công trình trọng điểm hằng tháng và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các Dự án trọng điểm tỉnh. Ngay sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp (từ ngày 01/7/2025), Sở ban hành Quyết định số 242/QĐ-SNNMT ngày 13/8/2025 thành lập Tổ soạn thảo Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên sau khi hợp nhất; Quyết định số 226/QĐ-SNNMT ngày 07/8/2025 thành lập Tổ công tác đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Đã kịp thời rà soát, tham mưu UBND tỉnh công bố lại thủ tục hành chính về đất đai theo quy định. Đồng thời ban hành nhiều văn bản kèm theo Sổ tay hướng dẫn về công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cấp GCN cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh. Ban hành Công văn số 289/SNNMT-ĐKCGCN&GD ngày 22/7/2025 kèm theo Sổ Tay hướng dẫn về công tác GPMB. Sở tham mưu UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 24/10/2025 về việc tập trung giải quyết khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ, công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh.

Công tác đo đạc bản đồ, viễn thám: Tổ chức thực hiện và nghiệm thu công đoạn công tác Đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với diện tích đất nông nghiệp bị biến động do thực hiện dồn điền đổi thửa các xã, thị trấn thuộc huyện Hưng Hà, Đông Hưng, Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (cũ) theo kế hoạch năm 2025. Tổ chức thẩm định 152 thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ của các dự án; thẩm định 273 bản vẽ đo đạc bổ sung bản đồ địa chính phục vụ công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hưng Yên thực hiện đăng ký biến động và cấp đổi, cấp lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các tổ chức, hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư 121.376 GCN, trong đó cấp đổi 7.537 GCN, đăng ký biến động cấp mới GCN là 88.692; thực hiện đăng ký biến động xác nhận trên GCN được 25.147 GCN. Giải quyết hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, quyền

sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật (bao gồm cả đất, tài sản và tài sản hình thành trong tương lai) là: 69.159 hồ sơ. thực hiện trích lục địa chính thửa đất phục vụ công tác xin chấp thuận dự án đầu tư, xin nhận chuyển nhượng, thu hồi đất, giao đất, thuê đất, cấp GCN quyền sử dụng đất năm 2025²¹. Phối hợp cùng các cơ quan đơn vị có thẩm quyền tham gia xác định ranh giới, mốc giới bàn giao đất ngoài thực địa cho 116 tổ chức được UBND tỉnh ban hành quyết định giao đất, cho chuyển mục đích sử dụng và thuê đất. Trong năm 2025, tổng số thu từ phí, lệ phí và hợp đồng dịch vụ của Văn phòng Đăng ký đất đai là: 87.368.090.254 đồng.

5. Về tài nguyên nước; khoáng sản, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu

Thực hiện tuyên truyền, phổ biến thực hiện pháp luật về tài nguyên nước, khoáng sản, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu; tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Nước thế giới, ngày Khí tượng thế giới và Chiến dịch Giờ Trái đất. Sở tiếp nhận và thẩm định 80 hồ sơ cấp Giấy phép hoạt động tài nguyên nước và 80 hồ sơ kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; triển khai thực hiện nhiệm vụ Khoan thay thế 05 giếng và Quan trắc tài nguyên nước năm 2025; thẩm định Báo cáo kiểm kê khí nhà kính của các cơ sở phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh. Thẩm định, trình UBND tỉnh cấp 08 Giấy phép hoạt động khoáng sản, trong đó: 03 Giấy phép thăm dò khoáng sản, 04 Giấy phép khai thác khoáng sản cát, 01 Giấy phép chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản; ban hành 01 Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản. Thẩm định 12 hồ sơ quyết toán tiền cấp quyền (tiền trúng đấu giá) khai thác khoáng sản đối với các trường hợp đang khai thác, thu hồi khoáng sản, nước khoáng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Rà soát, trình UBND tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, nhà thầu thi công thực hiện cấp phép hoạt động khoáng sản theo cơ chế đặc thù tại Nghị quyết 66.4/NQ-CP của Chính phủ và quy định của pháp luật về khoáng sản

Sở ban hành tờ trình về việc Điều chỉnh hồ, ao, đầm của xã Mỹ Sở, xã Văn Giang đưa ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; báo cáo UBND tỉnh đề nghị điều chỉnh một số nội dung của Quyết định 489/QĐ-TTg để đảm bảo an ninh, an toàn cung cấp nước sạch liên tục, ổn định cho nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và các văn bản chuyên môn lĩnh vực quản lý tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

6. Công tác bảo vệ môi trường

Tăng cường tham mưu, chỉ đạo thực hiện các giải pháp phòng ngừa và giải quyết tình trạng ô nhiễm không khí, bảo vệ môi trường; thường xuyên tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Báo cáo về công tác bảo vệ môi trường, Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường, Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường.

6 tháng đầu năm 2025, Tỉnh Hưng Yên (cũ), Sở tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định về việc ban hành quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn

²¹ Đo đạc chỉnh lý riêng từng thửa đất: 22.817 hồ sơ; Đo đạc tài sản gắn liền với đất: 118 hồ sơ; Kiểm tra bản trích đo địa chính: 345 hồ sơ.

tỉnh Hưng Yên (*Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND tỉnh ngày 10/3/2025 của UBND tỉnh*); phê duyệt 25 báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp 60 Giấy phép môi trường; Sở ban hành Kế hoạch số 05/KH-STNMT ngày 12/02/2025 lấy mẫu giám sát chất lượng môi trường đối với các cơ sở, KCN, CCN có lưu lượng xả thải lớn, làng nghề nhạy cảm với môi trường trên địa bàn tỉnh năm 2025; theo đó, lập danh sách 27 cơ sở xả thải lớn, nguy cơ ô nhiễm môi trường cao để thực hiện định kỳ lấy mẫu, quan trắc chất lượng xả thải nước thải, khí thải với tần suất từ 02-6 tháng/01 lần. Tỉnh Thái Bình (cũ), tổ chức 23 Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM, trình UBND tỉnh đề nghị phê duyệt 27 hồ sơ ĐTM; tổ chức thẩm định 28 hồ sơ đề nghị cấp GPMT; trình UBND tỉnh đề nghị cấp GPMT 33 hồ sơ; tham mưu ban hành 124 thông báo phí nước thải công nghiệp; 18 thông báo phí khí thải.

Sở đã tham mưu, trình UBND tỉnh Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường 09 Dự án; Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Đoàn kiểm tra báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường 23 Dự án; thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường 06 dự án; đề nghị cấp Giấy phép môi trường 65 dự án, cơ sở; xử phạt vi phạm hành chính 09 cơ sở...Sở đã ban hành 123 Quyết định²², ban hành 794 văn bản thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường²³. Thực hiện kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt hoặc tham mưu UBND tỉnh xử phạt vi phạm hành chính trên 18 cơ sở sản xuất; tham mưu tháo gỡ khó khăn cho 28 dự án đầu tư vào Cụm công nghiệp chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tổ chức kiểm tra thực tế công trình xử lý chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm của 09 dự án, cơ sở; thông báo kết quả vận hành thử nghiệm 10 dự án, cơ sở. Thường xuyên hướng dẫn các xã, phường thực hiện công tác quản lý bảo vệ môi trường, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt; tham mưu áp dụng định mức, đặc điểm kỹ thuật, định giá tối đa, giá cụ thể thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; duy trì việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn các phường Thái Bình, Trần Hưng Đạo, Trà Lý, Trần Lãm, Vũ Phúc; tiếp tục tham mưu xử lý rác thải tồn tại phường Thái Bình để thực hiện dự án đô thị ven sông; tổ chức trên 8 cuộc họp trao đổi, tháo gỡ, giải quyết các vướng mắc, kêu gọi các doanh nghiệp ngoài tỉnh tham gia xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho tỉnh Hưng Yên, tiếp cận công nghệ xử lý chất thải hiện đại trên địa bàn các xã, phường khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp; ban hành kịp thời các văn bản phúc đáp UBND

²² trong đó: 38 Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường các dự án, cơ sở; 69 Quyết định cử cán bộ công chức kiểm tra thực tế công trình xử lý chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các dự án, cơ sở; 30 Quyết định chỉ định đơn vị thực hiện do đặc, lấy và phân tích mẫu kiểm tra, giám sát vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; 10 Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; 04 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; 01 Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu sản phẩm nhiệm vụ Thăm tra định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá xử lý chất thải đang lưu giữ tại Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt thành phố (cũ), phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên; 01 Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự toán Dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn thành phố Thái Bình (cũ) từ Quý III năm 2023 đến hết năm 2025

²³ Nghiệp vụ công tác chuyên môn, tham gia ý kiến chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, giải đáp ý kiến, kiến nghị của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; cung cấp thông tin phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh vực ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; xử lý chất thải đang lưu giữ tại Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt thành phố Thái Bình cũ; cung cấp thông tin dữ liệu về nguồn phát sinh khí thải phục vụ hoạt động kiểm kê khí thải cấp Quốc gia; duy trì dịch vụ công ích đô thị, vệ sinh môi trường, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố TB cũ; xin ý kiến góp ý Dự thảo Báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường Về việc áp dụng các Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải sinh hoạt và Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; xin ý kiến tham gia vào Dự thảo Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về việc thực hiện phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường, sự cố chất thải trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; báo cáo việc áp dụng các Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải sinh hoạt và Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; dự thảo văn bản của UBND tỉnh về việc đẩy mạnh thu gom rác thải, bảo vệ, giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh hướng tới Lễ kỷ niệm 80 năm Quốc khánh 2/9; báo cáo kết quả xây dựng các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020...

các xã, phường giải quyết các khó khăn, kiến nghị (như xã Nguyễn Văn Linh, xã Nghĩa Trụ, xã Hoàn Long, xã Việt Yên, xã Xuân Trúc, xã Yên Mỹ, xã Thụ Trì, xã Như Quỳnh, phường Đường Hào, phường Mỹ Hào, phường Trần Lâm, ...). Tiếp thu và trả lời các kiến nghị của cử tri các xã, phường về quản lý rác thải sinh hoạt,...

Qua đó, ước thực hiện năm 2025, Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh/tỷ lệ hộ dân được tiếp cận nước sạch đạt 99,5%/98%; Tỷ lệ chất thải ở đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn 100%, tỷ lệ chất thải nông thôn bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn 95%; Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý an toàn theo quy định đạt 96,9%; Tỷ lệ các khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%; Tỷ lệ các cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%. Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước sinh hoạt ra môi trường lưu vực các sông đạt 60-70%.

7. Công tác cải cách hành chính; phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số

Năm 2025, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh về công tác chuyển đổi số của tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã kịp thời triển khai, ban hành nhiều các văn bản, kế hoạch : số 19/KH-SNNMT ngày 09/09/2025 về việc thúc đẩy tạo lập, hoàn thiện dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện Ngành nông nghiệp và môi trường; số 20/KH-SNNMT ngày 12/09/2025 về triển khai Chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 25/KH-SNNMT ngày 19/09/2025 về triển khai thực hiện Chiến dịch 90 ngày làm giàu, làm sạch Cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 02/KH-BCĐ-CSDL ngày 26/09/2025 về tuyên truyền, phổ biến Chiến dịch 90 ngày làm giàu, làm sạch Cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 33/KH-SNNMT ngày 07/10/2025 về tổ chức các hoạt động Ngày hội đổi mới sáng tạo (01/10), Ngày Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên (10/10) và hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia năm 2025; số 37/KH-SNNMT ngày 24/10/2025 Kế hoạch Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên; ... Sở Nông nghiệp và Môi trường đã thành lập Ban Chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và Môi trường về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Quyết định số 183/QĐ-SNNMT ngày 22/7/2025) trong đó đồng chí Giám đốc Sở làm trưởng ban chỉ đạo; Ban chỉ đạo đã ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Quyết định số 01/QĐ-SNNMT ngày 22/8/2025); Thông báo Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo (Thông báo số 02/TB-BCĐ ngày 8/9/2025). Hàng tuần, Sở đều có báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 628/QĐ-UB ngày 19/8/2025 của UBND tỉnh đảm bảo tiến độ quy định.

- *Về phát triển Chính quyền số:* Sở đã tập trung đầu tư, mua sắm đầy đủ trang thiết bị công nghệ thông tin, đảm bảo mỗi cán bộ, công chức, viên chức được trang

bị máy tính, máy in, máy scan; 100% các đơn vị trực thuộc có hệ thống mạng nội bộ (LAN) được kết nối internet tốc độ cao là kênh thuê bao riêng với tốc độ cao, đảm bảo kết nối thông suốt với mạng dữ liệu chuyên dùng WAN của tỉnh; trang bị đầy đủ các thiết bị số hóa tài liệu: máy scan, máy photocopy, ... Từ ngày 01/01/2025-31/10/2025, Phần mềm quản lý văn bản và điều hành, tổng số văn bản đến, đi (trừ văn bản mật) được cập nhật, xử lý trên phần mềm là 26.441 văn bản chiếm tỷ lệ 100%; 100% lãnh đạo phòng, đơn vị thuộc Sở được cấp và sử dụng chữ ký số của Ban Cơ yếu. Tổng chữ ký số là 881 token; 100% Lãnh đạo phòng, ban, đơn vị được cấp và sử dụng chữ ký số của Ban cơ yếu; 100% Lãnh đạo phòng, ban, đơn vị được cấp và sử dụng chữ ký số của Ban cơ yếu; đã đăng trên 414 tin, bài viết; 100% thủ tục hành chính được niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử của Sở và trang dịch vụ công của tỉnh; số hóa, cập nhật, xử lý, trả kết quả hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm Phần mềm Dịch vụ công của tỉnh từ ngày 1/1/2025-31/10/2025 19258 hồ sơ.

- *Về phát triển kinh tế số*: Trong năm 2025, Sở đang triển khai các 25 mô hình, đề án, dự án khuyến nông ứng dụng khoa học, công nghệ từ nguồn vốn tỉnh và trung ương; Ứng dụng Hệ thống thâm canh lúa cải tiến SRI cấy mạ non, cấy thưa, tưới ướt khô xen kẽ, quản lý dịch hại theo phương pháp IPM; ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM); Ứng dụng công nghệ nano bạc để hạn chế tác hại của côn trùng, chống rụng quả, nứt quả cho cây nhãn, vải; Ứng dụng công nghệ tưới phun nhỏ giọt tự động, tưới tiết kiệm nước sản xuất nhà lưới, nhà màng giúp tiết kiệm nước, thuốc trừ sâu; triển khai mô hình Hệ thống điều khiển tiêu khí hậu chuồng nuôi tự động. Kết quả theo dõi cho thấy hệ thống cảm biến nhiệt hoạt động ổn định, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

Hệ thống truy xuất 474 cơ sở tham gia với 1047 sản phẩm nông lâm sản và thủy sản trên địa bàn tỉnh. Năm 2025, Sở tập huấn 03 lớp cho 171 người, lấy 71 mẫu kiểm tra chất lượng, kết quả 100% mẫu đạt. Hỗ trợ chứng nhận Vietgap cho 7 cơ sở, ISO 22000 cho 4 cơ sở, 5 webside; phối hợp với báo và phát thanh truyền hình tỉnh xây dựng 2 clip, 4 tin bài truyền thông, quảng bá sản phẩm.

Thực hiện Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 11/7/2020 thực hiện hỗ trợ lắp đặt thiết bị định vị GPS 134 tàu cá (100%) có chiều dài lớn nhất trên 15 mét. Đến nay, 737/737 tàu cá đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá và cập nhật đầy đủ vào phần mềm dữ liệu quốc gia VnFishbase.

Ứng dụng và sử dụng có hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các phần mềm, thiết bị chuyên ngành về lâm nghiệp: Mapinfo, Qgis, FRMS, máy định vị GPS, flycam; triển khai, khai thác hệ thống Formis,... Đã và đang thực hiện đề tài khoa học công nghệ cấp tỉnh: “Nghiên cứu khả năng thích nghi của cây Vẹt dù (*Bruguiera gymnorrhiza*), cây Giá (*Excoecaria agallocha* L) tại khu rừng ngập mặn bị suy thoái do lập địa thay đổi để phát triển rừng tại Thái Bình” từ năm 2024-2026.

Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, xây dựng và vận hành Phần mềm quản lý, giám sát vận hành tưới tiêu trên địa bàn tỉnh khu vực Hưng Yên

(cũ), lắp đặt thiết bị quan trắc giám sát mực nước tại 02 trạm bơm là Văn Giang và Triều Dương.

Đến nay, toàn tỉnh có 606 sản phẩm tham gia đánh giá, xếp hạng được công nhận sản phẩm OCOP (trong đó 493 sản phẩm đạt 3 sao và 113 sản phẩm đạt 4 sao). Hiện nay, tỉnh đã sử dụng phần mềm “Hệ thống chấm điểm OCOP” để phục vụ chấm điểm, đánh giá, phân hạng các sản phẩm OCOP của địa phương. Bên cạnh đó, Sở đã chỉ đạo đơn vị chuyên môn chủ thể OCOP đã áp dụng mã QR truy xuất nguồn gốc, sử dụng các nền tảng thương mại điện tử như Postmart, Voso, Shopee để quảng bá và tiêu thụ sản phẩm; đẩy mạnh xây dựng cơ sở dữ liệu sản phẩm OCOP và tổ chức tập huấn kỹ năng chuyển đổi số cho các hợp tác xã, doanh nghiệp và hộ sản xuất.

Sở đã và đang tiếp nhận việc truyền nhận dữ liệu quan trắc tự động từ 81 trạm quan trắc tự động đối với nước thải, khí thải, nước mặt, không khí xung quanh qua hệ thống quản lý <https://tb.envisoft.gov.vn> do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý; 100% nội dung các báo cáo đề xuất xin cấp Giấy phép môi trường, Báo cáo Đánh giá tác động môi trường được công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- *Triển khai hiệu quả Chiến dịch 90 ngày làm giàu, làm sạch Cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên*: Tổng số thửa đất đã được rà soát, xây dựng CSDL 2.600.153²⁴; Tổng số Giấy chứng nhận cần thu thập: 415.653 GCN; Tổng số thửa đất/tài sản gắn liền với đất đã được cấp GCN nhưng chưa xác thực, đối khớp với CSDLQG về dân cư (bao gồm đã được xây dựng và chưa được xây dựng CSDL đất đai) 2.106.382 thửa đất/tài sản; Tổng số thửa đất trong CSDL đất đai đã “đúng - đủ - sạch - sống” là 714.462 thửa đất (chiếm 27,2% trong tổng số thửa đất có dữ liệu) (bao gồm thửa đất Nhóm 1 và thửa đất Nhóm 2 đã được hoàn thiện đúng - đủ - sạch - sống); tổng số thửa đất Nhóm 2 còn lại chưa được hoàn thiện đúng - đủ - sạch - sống là 1.518.919 thửa đất (chiếm 73 % thửa đất Nhóm 2)²⁵; Số lượng Giấy chứng nhận đã quét (scan) và xử lý theo quy định về dữ liệu đất đai phi cấu trúc; lưu trữ dưới định dạng tệp tin PDF (ở định dạng không chỉnh sửa được); được trích xuất, nhập các trường thông tin thông tin từ Giấy chứng nhận vào CSDL đất đai: 359.674 GCN. Đã hoàn thành kết nối, chia sẻ CSDL đất đai với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và hệ thống Thuế điện tử trong việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến đất đai; Số lượng thửa đất được xây dựng Mã định danh thửa đất: 3.263.464 thửa.

- *Công tác cải cách thủ tục hành chính*: Đến nay, 100% thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở được công bố công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC. Năm 2025, Sở đã tiếp nhận 56.685 hồ sơ (trong đó

²⁴ Trong đó 1.101.207 thửa đất đã được cấp GCN; 714.462 thửa đất đã được làm sạch; 1.081.234 thửa đất đã được xác thực chủ sử dụng đất trên phần mềm CSDL; 359.674 GCN đã được thu thập.

²⁵ do Khối lượng dữ liệu đất đai của Hưng Yên cần rà soát, bổ sung thông tin nhiều 2.583.009 thửa đất, Một số phần mềm và công cụ hỗ trợ còn đang trong quá trình hoàn thiện, dẫn đến thay đổi quy trình kỹ thuật trong khi triển khai. Nhân lực thực hiện kế hoạch vừa thực hiện kế hoạch đồng thời thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thường xuyên

tiếp nhận trực tuyến 49.549 hồ sơ) số hồ sơ đã giải quyết 36.199 hồ sơ trong đó 34.939 hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn, 1.258 hồ sơ quá hạn đã giải quyết; số hồ sơ đang giải quyết 20.486 hồ sơ trong đó còn hạn 19.757 hồ sơ, quá hạn 729 hồ sơ. Các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến giải quyết các TTHC được Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện theo đúng quy định.

- *Công tác tổ chức bộ máy*: Năm 2025, Sở đã tham mưu, xây dựng đề án thành lập Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên trên cơ sở hợp nhất Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Xây dựng Đề án thành lập Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Bình trên cơ sở hợp nhất Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Bình với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình. Xây dựng Đề án hợp nhất Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Bình thành Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên, được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 705/NQ-HĐND ngày 01/7/2025; đồng thời xây dựng Đề án quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên, được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025; tham mưu, trình thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu của các đơn vị thuộc Sở; tham mưu, kiện toàn, tổ chức lại, hợp nhất các đơn vị sự nghiệp theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh. Theo đó, cơ cấu tổ chức của Sở gồm 14 tổ chức hành chính, 07 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, 01 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Chi cục (giảm 10 phòng, 04 chi cục trực thuộc Sở).

- *Công tác pháp chế*: Sở Nông nghiệp và Môi trường thường xuyên tổ chức quán triệt, phổ biến; tham mưu, xây dựng và triển khai thực hiện các văn bản pháp luật của ngành. Từ ngày 01/01/2025 đến 31/10/2025 Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức 15 cuộc kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước và theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp; tham gia có chất lượng vào các dự thảo văn bản pháp luật do các bộ, ngành Trung ương và cơ quan chuyên môn cấp tỉnh dự thảo, xin ý kiến. Ngay sau khi thành lập tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo những nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của ngành; Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành nhiều Quyết định quy phạm pháp luật: Số 137/2025/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 về ban hành quy định định mức kinh tế - kỹ thuật thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 138/2025/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 về ban hành quy định định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 125/2025/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 của UBND tỉnh Quyết định quy định định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên...

- *Các thi đua, khen thưởng*: Phong trào thi đua đã tạo khí thế sôi nổi, khơi dậy tinh thần đoàn kết, sáng tạo, vượt qua khó khăn của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành góp phần động viên, khích lệ mọi tập thể, cá nhân hoàn

thành tốt và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao²⁶. Sở ban hành Kế hoạch số 38/KH-SNNMT ngày 24/10/2025 triển khai đợt thi đua lập thành tích chào mừng thành công Đại hội Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I (nhiệm kỳ 2025 - 2030), tiến tới chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; tăng tốc, bứt phá hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2025. Đợt thi đua đã được toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động nhiệt tình hưởng

- *Cải cách tài chính công* được thực hiện theo đúng quy định, Sở thường xuyên phối hợp với Sở Tài chính rà soát, sắp xếp các cơ sở nhà đất, xử lý xe ô tô ngành, theo dõi và tổng kiểm kê tài sản công theo đúng quy định. Lập kế hoạch dự toán ngân sách năm 2026 và 3 năm cơ bản đảm bảo theo yêu cầu.

8. Hoạt động sự nghiệp ngành nông nghiệp và môi trường

Công tác Khuyến nông: Đã phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện 26 Khoa giáo, 26 Phóng sự, 06 thời sự; đăng 90 bài viết lên trang Website (<http://khuyennongthaibinh.vn>). đã tổ chức 230 lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản cho trên 10.300 lượt học viên; tổ chức 04 lớp tập huấn TOT cho 120 học viên. Tổ chức giảng dạy 05 lớp dạy nghề (*01 lớp Chăn nuôi Gia súc Gia cầm và 04 lớp Trồng rau*) và cấp chứng chỉ cho 165 học viên tại các Xã Phụ Dực, Thư Vũ, Xã Nam Cường. Nghiên cứu xây dựng thực hiện 21 mô hình, 03 đề án, dự án (*trong đề án, dự án có 8 mô hình*).

Công tác quản lý cấp nước: Tiếp tục quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch; công tác quản lý vận hành các nhà máy nước. Cung cấp nước sạch ổn định cho người dân, không phát sinh những vấn đề nổi cộm. Tham gia Đoàn kiểm tra cấp nước tại Nhà máy nước thị trấn Đông Hưng và Nhà máy nước thị trấn Tiền Hải. Làm việc với Đoàn chuyên gia cấp nước người Nhật Bản về nội dung trong Biên bản ghi nhớ hợp tác đã ký kết ngày 15/11/2024 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên và Chính quyền tỉnh Kanagawa “về việc Hợp tác kỹ thuật trong lĩnh vực cấp nước sạch”. Thực hiện kiểm tra 46/46 nhà máy và mạng lưới cấp nước trên địa bàn toàn tỉnh. Đến nay, tỷ lệ người dân tiếp cận với nước sạch là 100%, tỷ lệ số hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt 98,46% (Cấp nước tập trung 84,26%, nhỏ lẻ 14,20 %).

Tổ chức thẩm định tờ khai thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp và khí thải trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo quy định, thực hiện thu phí bảo vệ môi trường, quỹ cải tạo phục hồi môi trường của các đơn vị khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh đúng quy định. Việc tiếp nhận, thẩm định và cho vay

²⁶ Năm 2025, Sở đã giới thiệu 01 tập thể Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp là điển hình tiên tiến tham gia Đại hội thi đua yêu nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Trình Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng Cờ thi đua cho 02 tập thể và tặng thưởng Bằng khen cho 05 tập thể và 06 cá nhân là các điển hình tiêu biểu xuất sắc nhân dịp tổng kết 03 phong trào thi đua (phong trào “Cà nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025; phong trào “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025; phong trào “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trong năm 2025”); Trình Tỉnh ủy tặng Bằng khen cho 01 cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Nhân dịp kỷ niệm 80 năm ngày thành lập ngành Nông nghiệp và Môi trường, Sở đã trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường tặng thưởng Bằng khen cho 04 tập thể và 19 cá nhân, trình tặng Kỷ niệm chương cho 220 cá nhân có công lao đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của Ngành; Sở đã quyết định tặng Giấy khen cho 25 cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện các phong trào thi đua.

thực hiện đảm bảo theo quy chế, quy trình; các dự án vay vốn của Quỹ đều phát huy hiệu quả, không để nợ quá hạn và lãi treo²⁷.

III. MỘT SỐ TỒN TẠI, KHÓ KHĂN

1. Sản xuất nông nghiệp mang tính bền vững, tính ổn định chưa cao, chịu sự ảnh hưởng lớn của điều kiện thời tiết (bão lũ, nắng nóng, khô hạn, ...), bị động trước sự biến động giá cả của thị trường, biến đổi khí hậu ngày càng cực đoan và khó lường, nguy cơ về dịch hại như sâu cuốn lá, sâu đục thân 2 chấm, rầy các loại, chuột hại, ... luôn là yếu tố thách thức đối với sản xuất trồng trọt. Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai có hiệu lực từ ngày 01/7/2025, theo đó tại điểm d khoản 4 Điều 21 của Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định Điều 11 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý đất trồng lúa hết hiệu lực thi hành (bãi bỏ Điều 11, 12, 13 của Nghị định số 112/2024/NĐ-CP). Tuy nhiên, Điều 57 Luật Trồng trọt, Điều 10 Nghị định 112/2024/NĐ-CP vẫn quy định việc bảo vệ và sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước; không có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, vì vậy không rõ cơ quan, đơn vị thẩm định, chấp thuận, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu việc bóc tách, sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước.

2. Chăn nuôi an toàn sinh học chưa được thực hiện đồng bộ, nhất là khu vực nông hộ và trang trại quy mô nhỏ; chuồng trại kiểu hở còn chiếm đa số, việc thực hiện khử trùng tiêu độc chưa thường xuyên, chưa kiểm soát chặt chẽ người, phương tiện ra vào khu vực chăn nuôi,..., tiềm ẩn nguy cơ phát sinh dịch bệnh, ô nhiễm môi trường. Công tác quy hoạch và bố trí quỹ đất cho phát triển chăn nuôi, giết mổ tập trung còn gặp khó khăn do hạn chế về quỹ đất; thu hút đầu tư doanh nghiệp lớn còn hạn chế, thiếu doanh nghiệp đầu tư trong khâu chế biến, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi.

Hiện chưa có quy định cụ thể về chính sách cho nhân viên chăn nuôi, thú y tại các xã, phường, nhiều người xin nghỉ theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ; do vậy, triển khai các nhiệm vụ liên quan triển khai trong lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y (giám sát dịch bệnh động vật, thống kê, phun hóa chất khử trùng, tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm,...) ở các địa phương gặp rất nhiều khó khăn

3. Phần lớn diện tích đất nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợ các xã ven biển đã quy hoạch sang phát triển dịch vụ, du lịch trong khu kinh tế Thái Bình, hiện người dân đang sản xuất tận dụng, không được cải tạo, đầu tư sản xuất, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế. Kết cấu hạ tầng các vùng nuôi thủy sản tập trung xuống cấp, thiếu đồng bộ không đáp ứng với yêu cầu kỹ thuật, công nghệ mới; trong khi đó, thời tiết, khí

²⁷ Từ đầu năm đến hết 01/12/2025 thu phí bảo vệ môi trường số tiền là: 2.673.513.809 đồng; quỹ cải tạo phục hồi môi trường của 21 đơn vị khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh số tiền là 6.602.969.776 đồng; đang quản lý và theo dõi 01 dự án vay vốn với lãi suất ưu đãi, với tổng số vốn vay theo Hợp đồng tín dụng là 9 tỷ đồng.

hậu diễn biến bất lợi, dịch bệnh thường phát sinh trên tất cả các đối tượng và hình thức nuôi, đặc biệt trên tôm sú, tôm thẻ chân trắng.

Tỷ lệ thực hiện khai báo xuất nhập cảng cá qua hệ thống phần mềm truy xuất nguồn gốc thủy sản điện tử (eCDT VN) đạt chưa cao, do một số chủ tàu, thuyền trưởng còn sử dụng điện thoại cũ không cài đặt được phần mềm eCDT.

4. Lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai có tính chất nhạy cảm, phức tạp, quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác còn mâu thuẫn, thiếu thống nhất, đặc biệt là sau khi sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, một số nội dung chưa được hướng dẫn kịp thời nên còn vướng mắc khi tổ chức thực hiện, như: Việc trình HĐND các cấp thông qua việc thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế xã hội; việc xử lý thu hồi đối với dự án chậm tiến độ sử dụng đất, việc giao đất, cho thuê đất cho Liên danh nhà đầu tư trúng thầu hoặc được chấp thuận nhà đầu tư đảm bảo thống nhất với quy định của Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật kinh doanh bất động sản....

5. Giai đoạn đầu sau khi sắp xếp, tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp, do các địa phương chưa ổn định về tổ chức, quy trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai chưa được vận hành trơn chu, dẫn tới tiến độ giải quyết các thủ tục hành chính còn chậm, nhất là thủ tục về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khối lượng nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của cấp xã, phường sau khi sáp nhập nhiều; nhiều công việc chồng chéo do kiêm nhiệm dẫn đến xử lý hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tỷ lệ còn thấp; Cán bộ mới tiếp nhận nhiệm vụ còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn trong việc xét duyệt, xác nhận nguồn gốc sử dụng đất và tài sản và tài sản gắn liền với đất.

6. Các xã, phường đã bố trí cán bộ chuyên môn về quản lý đất đai tuy nhiên một số xã còn thiếu về số lượng, chất lượng và chưa đáp ứng nhu cầu công việc nhiều và phức tạp như hiện nay, nhiều xã chỉ bố trí từ 1-2 cán bộ chuyên môn về quản lý đất đai tại phòng Kinh tế hạ tầng. Trong khi một số cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về quản lý đất đai lại không được sắp xếp, bố trí đúng vị trí việc làm, nhiều cán bộ chuyển sang làm các lĩnh vực khác (như: Công tác Đảng, công tác văn hoá, tư pháp ...).

7. Việc ứng dụng phần mềm in Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của một số công chức còn hạn chế do phần mềm mới, lại mới được tiếp cận; việc đồng bộ hệ thống phần đến nay vẫn còn vướng như: In GCN xong nhưng khi quét Iso để cập nhật vào kho lưu trữ đến nay chưa có nút đẩy hồ sơ quét.

Nhiều hồ sơ do Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố cũ trước đây chuyển về gặp những vướng mắc như: Một số trường hợp giao đất nhưng chưa đủ cơ sở xác định đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (các chứng từ, phiếu nộp tiền bị thất lạc...); Nhiều trường hợp người sử dụng đất không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất do sử dụng ổn định lâu dài, không tranh chấp nhưng chưa được cấp GCN; Giao dịch mua bán bằng giấy tay trước đây chưa được xác nhận hoặc không qua công chứng, chứng thực, gây khó khăn cho việc xác lập chủ sử dụng

hiện tại; Một số trường hợp diện tích đất thực tế sử dụng khác biệt lớn so với bản đồ cũ, gây chênh lệch về diện tích, ranh giới và vị trí.

Hồ sơ tài liệu về đất đai được lưu giữ không đầy đủ, chính sách đất đai thay đổi qua các thời kỳ, hồ sơ địa chính cũ nát, dữ liệu thông tin không đầy đủ; công tác lưu trữ trước kia còn chưa được chú trọng, dễ thất lạc hồ sơ nên khó khăn trong xác minh nguồn gốc đất đai. Việc sắp xếp, bàn giao hồ sơ địa chính từ các huyện cũ về các xã mới sau sáp nhập chưa được kịp thời, đầy đủ, dẫn đến công tác quản lý nhà nước về đất đai của một số xã gặp khó khăn...

8. Đa số các cán bộ cấp xã không có chuyên môn, nghiệp vụ về bảo vệ môi trường, kinh nghiệm trong công tác bảo vệ môi trường. Năng lực xử lý của các khu xử lý chất thải tập trung của tỉnh hiện nay chưa đáp ứng đủ công suất xử lý toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh, khoảng 450 tấn/ngày đêm, chỉ đáp ứng khoảng 24% tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày; Dự án đầu tư khu xử lý chất thải rắn tập trung chậm; nhiều lò đốt rác quy mô xã đã hỏng hóc, không sử dụng, hiệu quả đốt không cao, không đảm bảo yêu cầu về môi trường; Các hố ủ rác hầu hết đã đầy; các bãi chôn lấp được hình thành từ lâu, việc đào hố xây dựng khu chôn lấp hầu hết mang tính tự phát, không theo thiết kế và không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật quy định; trang thiết bị, phương tiện vận chuyển chất thải sinh hoạt còn thiếu, một số ô tô vận chuyển bị hỏng hóc, xuống cấp; một số địa phương phát triển đô thị, công nghiệp khó khăn trong việc tìm vị trí điểm tập kết, hố ủ, bãi chôn lấp rác thải. Khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, còn một số xã chưa được phân bổ nguồn kinh phí thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường của cấp huyện trước đây (khi bỏ cấp huyện, nguồn này được chuyển về ngân sách tỉnh) để thực hiện công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn; vướng mắc về việc thực hiện các quy trình thủ tục đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ; hầu hết các xã, phường chưa ký hợp đồng với các đơn vị vận chuyển, xử lý chất thải, trong khi đó công tác thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt vẫn đang diễn ra hàng ngày, nguy cơ ùn ứ, tồn đọng rác thải, xảy ra tình trạng đổ đốt rác thải gây ô nhiễm, sự cố môi trường.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NĂM 2026

1. Tiếp tục triển khai thực hiện mạnh mẽ, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp ngành được giao trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh; Nghị quyết Đại hội Đại biểu tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Đề án cơ cấu lại ngành Nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 và các chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân về phát triển kinh tế xã hội lĩnh vực nông nghiệp, môi trường, xây dựng nông thôn mới; chương trình cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển và nâng cao hiệu quả nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2045.

2. Tích cực triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách đã ban hành như: Cơ chế chính sách về tích tụ, tập trung ruộng đất; Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Cơ chế, chính sách hỗ trợ mua máy cấy, hệ thống thiết bị sấy phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.... Chủ động nghiên cứu, đề xuất việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chính sách phù hợp với thực tiễn của tỉnh sau sáp nhập, có tác dụng thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Tích cực, chủ động tham mưu, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường theo đúng quy định pháp luật; rà soát sửa đổi các quy định của tỉnh về bồi thường để đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án trọng điểm của quốc gia, của tỉnh và địa phương phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn của tỉnh.

3. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch sản xuất năm 2026; thực hiện có hiệu quả công tác sản xuất, chăm sóc cây trồng, phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng. Phối hợp với Trung tâm Nước và Kỹ thuật nông nghiệp thực hiện tốt công tác điều tra phát hiện sinh vật gây hại trên đồng ruộng (Dự tính - dự báo), theo dõi tình hình sâu bệnh hại trên các loại cây trồng, kết hợp diễn biến thời tiết để tham mưu kịp thời các biện pháp phòng trừ đạt hiệu quả. Tăng cường công tác quản lý giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và vật tư nông nghiệp khác. Tăng cường tuyên truyền về kiểm dịch thực vật tới các tổ chức, cá nhân, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh; thực hiện các kỳ điều tra sinh vật gây hại kho thuộc đối tượng kiểm dịch thực vật; phối hợp Chi cục KDTV vùng I định kỳ điều tra, theo dõi, giám sát dịch hại trên sản phẩm thực vật nhập khẩu, bảo quản trong kho và tại các cơ sở sản xuất, gia công, chế biến và tiêu thụ hàng thực vật trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác xông hơi khử trùng bảo quản nông sản của các tổ chức, cá nhân. Tiếp tục hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp mã số vùng trồng nội địa, mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu, cơ sở đóng gói; kiểm tra, giám sát, duy trì các vùng trồng, cơ sở đóng gói đã được cấp mã.

4. Tham mưu kịp thời, hiệu quả với UBND tỉnh, các văn bản chỉ đạo về công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn trong từng thời điểm sát với thực tế, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị được giao; tham mưu xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030. Triển khai thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm vụ xuân - hè, vụ thu - đông và tiêm phòng bổ sung trong năm 2026 theo đúng kế hoạch của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Mục tiêu kết quả tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm đạt tỉ lệ trên 80% số con trong diện tiêm để đảm bảo ngăn chặn dịch bệnh;

Phân đầu giá trị sản xuất chăn nuôi năm 2026 ước đạt: 19.4274,7 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng đạt 3,0% so với năm 2025. Tổng đàn lợn ước đạt 1.274 nghìn con, sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng ước đạt 316 nghìn tấn. Tổng đàn gia cầm ước đạt 24,2 triệu con, sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng ước đạt 136,6 nghìn tấn; sản lượng trứng đạt khoảng 875 triệu quả. Tổng đàn trâu bò ước đạt 98,3 nghìn con, sản lượng 16,4 nghìn tấn. Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện cơ cấu lại ngành chăn nuôi theo hướng đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trang trại, chăn nuôi công nghiệp, an toàn

sinh học, an toàn dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh môi trường; chuyển đổi cơ cấu giống vật nuôi hợp lý; khuyến khích hình thành và phát triển các vùng chăn nuôi trọng điểm; khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín; đẩy mạnh liên kết các khâu trong sản xuất theo chuỗi giá trị; thực hiện kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi; quản lý giống vật nuôi và điều kiện chăn nuôi; tổ chức tuyên truyền, tập huấn trong lĩnh vực chăn nuôi.

Tăng cường công tác quản lý hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm, kiểm tra vệ sinh thú y bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm tại cơ sở giết mổ động vật trên địa bàn quản lý theo phân cấp; chỉ đạo lực lượng chức năng xử lý nghiêm việc giết mổ lợn bệnh, lợn chết do dịch bệnh tại địa phương; tăng cường kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm hành chính về thú y, an toàn thực phẩm trong giết mổ, vận chuyển, buôn bán động vật, sản phẩm động vật; kiên quyết dừng hoạt động đối với các cơ sở giết mổ động vật chưa được cấp phép hoạt động, không bảo đảm điều kiện vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

5. Tiếp tục tham mưu Văn bản công tác chống khai thác IUU, Báo cáo công tác chống IUU trên địa bàn tỉnh; văn bản về việc tăng cường chăm sóc, quản lý môi trường vùng NTTS; thông báo Dự báo ngư trường.

Phấn đấu tăng trưởng thủy sản năm 2026 ước đạt 2,3%, giá trị sản xuất thủy sản ước đạt 8.070,6 tỷ đồng; tổng sản lượng thủy sản ước đạt 362,9 nghìn tấn, trong đó: sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 107,1 nghìn tấn, sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 255,78 nghìn tấn. Xây dựng Đề án phát triển nuôi thủy sản trên địa bàn tỉnh Hưng yên, giai đoạn 2026-2030 trong đó định hướng phát triển diện tích nuôi các đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế đem lại hiệu quả cao; từng bước hình thành các vùng, khu vực nuôi đối tượng đặc sản, đặc trưng của địa phương tạo nền tảng ban đầu để xây dựng thương hiệu đặc sản và phát triển chỉ dẫn địa lý cho từng đối tượng nuôi. Chủ động theo dõi diễn biến trong quá trình sản xuất; triển khai thực hiện và phối hợp với các đơn vị chức năng liên quan trong hoạt động quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nuôi trồng thủy sản; Phối hợp với các đơn vị, địa phương để nắm bắt tình hình, triển khai xây dựng kế hoạch và giải pháp khôi phục, phát triển nuôi trồng thủy sản (kế hoạch sản xuất, cung cấp con giống, thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường, vật tư đầu vào phục vụ sản xuất, gia cố ao đầm, lồng bè,...), áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật và đưa ra các giải pháp phù hợp để phát triển sản xuất trong nuôi trồng thủy sản.

Thực hiện cung cấp thông tin dự báo ngư trường, nắm bắt tình hình khai thác hải sản của ngư dân trên các vùng biển theo mùa vụ, nghề nghiệp, ngư trường; Thông báo hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản. Tổ chức hướng dẫn các chủ tàu cá thực hiện công tác đăng ký, đăng kiểm theo quy định; Phối hợp địa phương kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu cá chưa được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện. Thực hiện việc thẩm định, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với tàu cá.

Tăng cường đôn đốc các địa phương, phối hợp các cấp, các ngành thực hiện nghiêm các khuyến nghị của EC phòng chống khai thác bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định. Tiếp tục, kiểm soát tàu thuyền ra vào, thu nhật ký khai thác thủy sản, báo cáo khai thác thủy sản, nhập dữ liệu sản lượng khai thác vào phần mềm Vnfishbase, phần mềm CDT VN tại cảng cá Cửa Lân và cảng cá Tân Sơn; kiên quyết không cho tàu cá vi phạm 14 hành vi khai thác bất hợp pháp xuất bến; Lập hồ sơ xử lý các trường hợp tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài. Tiếp tục tuyên truyền, nhắc nhở ngư dân và chủ phương tiện chấp hành nghiêm các quy định về khai thác IUU. Tiếp tục theo dõi, giám sát hoạt động tàu cá trên phần mềm giám sát tàu cá Cục Thủy sản và Kiểm ngư.

6. Thực hiện hiệu quả chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2026. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng của các tổ chức cá nhân được giao bảo vệ rừng. Tăng cường quản lý bảo vệ các loài động vật hoang dã, đặc biệt là chim hoang dã, chim di cư. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, đơn vị có liên quan để xử lý các vụ việc vi phạm.

7. Tiếp tục rà soát và tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch về phòng chống thiên tai để chủ động ứng phó với các loại hình thiên tai trong năm 2026; xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026-2030. Đôn đốc các xã, phường, các ngành có liên quan tổ chức tập huấn cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai; chuẩn bị đầy đủ nhân lực, vật tư, phương tiện phục vụ công tác phòng chống thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ”. Tổ chức thường trực, theo dõi tình hình diễn biến thời tiết, lũ, bão, thiên tai để chủ động tham mưu cho các cấp, các ngành triển khai đối phó kịp thời, hiệu quả; tổng hợp thiệt hại do thiên tai gây ra, đề xuất phương án xử lý, khắc phục, sớm ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân trong tỉnh. Tiếp tục tham mưu cho cấp có thẩm quyền trong công tác phòng chống thiên tai, chống mọi biểu hiện chủ quan lơ là, mất cảnh giác. Kiên quyết giữ vững hệ thống đê sông ở mức nước lũ thiết kế; hệ thống đê cửa sông và đê biển đảm bảo chống với bão cấp 10, triều trung bình.

Tăng cường công tác kiểm tra, phát hiện các dấu hiệu vi phạm pháp luật về đê điều; ngăn chặn, xử lý dứt điểm các hành vi vi phạm ngay từ giờ đầu không để xảy ra tái vi phạm, phát sinh mới, nhất là các vụ vi phạm nghiêm trọng trên địa bàn quản lý. Tổng hợp các vụ vi phạm liên quan đến đê điều theo quy định. Tham mưu trình UBND tỉnh cấp phép các hoạt động liên quan đến đê điều theo quy định; sử dụng bãi sông, bãi bồi liên quan đến thoát lũ và đê điều; chấp thuận việc xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đê điều. Thường xuyên kiểm tra công trình đê điều trước, trong và sau lũ, phát hiện kịp thời các sự cố, diễn biến của đê điều để có biện pháp xử lý kịp thời.

Tổ chức thường trực vụ Mùa, vụ Đông năm 2026, đặc biệt các đợt cao điểm mưa úng. Tổng hợp kịp thời mọi tình hình để tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý các tình huống ngập lụt kịp thời hiệu

quả. Giám sát quá trình triển khai thực hiện kế hoạch điều hành nước đã thống nhất tại các đơn vị thủy nông và các địa phương. Đôn đốc Ủy ban nhân dân các xã; Công ty TNHH MTV KTCTTL Hưng Yên, Bắc, Nam Thái Bình và các đơn vị thực hiện kế hoạch lấy nước. Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 24/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc khắc phục giải quyết dứt điểm những tồn tại, vướng mắc trong vấn đề nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Tiếp tục thông báo diễn biến nguồn nước, tình hình xâm nhập mặn trên các sông tới các đơn vị cấp nước để các đơn vị cấp nước chủ động trong việc khai thác nguồn nước để xử lý. Tiếp tục đôn đốc các đơn vị cấp nước nâng cao trách nhiệm trong quản lý, vận hành, khai thác và bảo vệ hệ thống cấp nước đảm bảo cấp nước ổn định phục vụ nhân dân.

8. Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân, doanh nghiệp hiểu rõ vai trò, trách nhiệm của mình và cộng đồng là chủ thể xây dựng nông thôn mới. Lấy nội lực làm căn bản, tự giác tham gia, sáng tạo trong tổ chức thực hiện, lấy phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ” làm mục tiêu định hướng cho các nội dung tuyên truyền, vận động. Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo quy định. Tăng cường huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp; tạo điều kiện các doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia xây dựng các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp (*công trình hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp; công trình cấp nước sạch, chợ nông thôn, công trình thu gom, xử lý rác thải và một số công trình công ích xã hội khác*). Thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nguồn lực, bảo đảm phát huy hiệu quả, tạo sự tin tưởng, đồng thuận của người dân.

Khuyến khích, tạo điều kiện, hỗ trợ phát triển các hợp tác xã chuyên ngành, chuyên lĩnh vực như: HTX chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, trồng cây dược liệu, HTX sản xuất lúa gạo đặc sản, lúa giống... hỗ trợ các hợp tác xã xây dựng thương hiệu tham gia chương trình OCOP mỗi xã một sản phẩm; tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội; Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo, tái nghèo; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững; Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người cận nghèo và người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống; Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định

kỳ, hằng năm hoặc đột xuất. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp.

9. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về an toàn thực phẩm, kiểm tra, hậu kiểm xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm, chế biến và các quy định về thị trường trong nước và xuất khẩu. Tập trung vào việc tuyên truyền, phổ biến các quy định, quy chuẩn kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông sản thực phẩm an toàn. Tăng cường công tác giám sát dư lượng trên các sản phẩm chủ lực của tỉnh lưu thông trên thị trường, cung cấp cho các tỉnh, thành phố và ngược lại với sản phẩm nhập từ các tỉnh về Hưng Yên. Tiếp tục phối hợp các đơn vị, xã/phường xây dựng mới và phát triển nhiều mô hình sản xuất, tiêu thụ thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích, hỗ trợ cơ sở sản xuất đầu tư vào vùng sản xuất, áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt; Rà soát các chuỗi sản xuất, tiêu thụ nông lâm thủy sản hiện có và lựa chọn từng bước nâng cao thành chuỗi giá trị bền vững theo tiêu chuẩn, chuẩn mực quốc tế,...

Tiếp tục kiểm tra, đánh giá phân loại và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm về điều kiện, chất lượng sản phẩm theo quy định. Tăng cường công tác kiểm tra, hậu kiểm về ATTP, tập trung vào các công đoạn có nguy cơ cao trong toàn bộ chuỗi sản xuất nhằm phát hiện, xử lý kịp thời cơ sở vi phạm. Thực hiện có hiệu quả Hệ thống thông tin điện tử hy.check.net.vn truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nông lâm sản và thủy sản đảm bảo ATTP trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Tăng cường tổ chức các hội nghị kết nối cung cầu, kết nối giao thương hàng hóa giữa các tỉnh tạo cơ hội quảng bá, xúc tiến tiêu thụ khuyến khích các cơ sở có sản phẩm thế mạnh xây dựng kênh phân phối cung ứng tại thành phố Hà Nội, các tỉnh, thành và định hướng xuất khẩu.

10. Tiếp tục rà soát hoàn thiện, trình UBND tỉnh ban hành Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai và Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Triển khai và tổ chức thực hiện Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 08/9/2025 của UBND tỉnh về tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các công trình xây dựng trái quy định vi phạm về đất đai, xây dựng, giao thông, thủy lợi, đề điều trên địa bàn tỉnh. Thẩm định trình UBND tỉnh Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất theo thẩm quyền. Hướng dẫn giải quyết các khó khăn vướng mắc trong công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; công tác giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh hoặc theo đề nghị của UBND cấp xã.

Tiếp tục thực hiện đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; công tác đo đạc bản đồ và viễn thám; công tác định giá đất. Tiếp tục tham mưu thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 08/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác giải phóng mặt bằng các công trình, dự án

trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 3023/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án *"Nâng cao hiệu quả trong công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh"*; Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 24/10/2025 về việc tập trung giải quyết khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ, công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh. Tham mưu cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh. Đôn đốc và tổng hợp kết quả GPMB các dự án công trình, nhất là dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh báo cáo Tỉnh ủy và UBND tỉnh theo yêu cầu.

11. Tăng cường tuyên truyền phổ biến pháp luật về tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu; tuyên truyền phổ biến pháp luật về khoáng sản; cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, cấp lại, chấp thuận trả lại, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép Tài nguyên nước theo quy định; Thực hiện thẩm định hồ sơ kê khai hoặc điều chỉnh tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định. Tiếp tục hướng dẫn lập, thẩm định hồ sơ xin cấp giấy phép về khoáng sản cho các tổ chức, cá nhân khai thác, kiểm tra việc khai thác và thực hiện pháp luật về khoáng sản, các nghĩa vụ với nhà nước của các doanh nghiệp được cấp giấy phép;

Triển khai nhiệm vụ Quan trắc tài nguyên nước năm 2026; Kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Lập Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và Đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Phối hợp với các Sở, ngành và chính quyền địa phương thực hiện kiểm tra các hoạt động khoáng sản.

12. Rà soát tham mưu, hoàn thiện cơ chế chính sách, thu hút xã hội hóa đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường. Nâng cao nhận thức cộng đồng, huy động người dân và tổ chức tham gia bảo vệ môi trường. Tăng cường thanh tra, giám sát, công khai tình trạng ô nhiễm và kết quả xử lý. Tiếp tục tham mưu hoàn thiện và ban hành các văn bản quy định chi tiết Luật BVMT phù hợp với địa giới hành chính mới và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân sau sáp nhập. Tập trung thực hiện thủ tục hành chính thông suốt, hiệu quả lĩnh vực đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước và môi trường; Tăng cường phối hợp kiểm tra, xử phạt vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai, khoáng sản; tăng cường huấn, hướng dẫn công tác quản lý đất đai, khoáng sản, bảo vệ môi trường cho cán bộ cấp xã theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tăng cường công tác kiểm soát và phòng ngừa ô nhiễm môi trường; nắm tình hình, nghiên cứu đề xuất biện pháp xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền, đặc biệt là các điểm nóng về môi trường trên địa bàn tỉnh; coi trọng hướng dẫn cấp xã khắc phục, giải quyết các vướng mắc về thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường ở cơ sở.

13. Thực hiện các chương trình khoa giáo, thời sự, phát thanh, báo điện tử theo định hướng của ngành, yêu cầu của sản xuất, theo thuyết minh chương trình khoa giáo năm 2026. Triển khai xây dựng các đề án, Dự án, mô hình nhiệm vụ khuyến

nông được giao nhiệm vụ năm 2026 đảm bảo theo khuyến cáo khung thời vụ sản xuất tốt nhất. Chủ động tiếp nhận, cập nhật các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới để chuyển giao kịp thời vào thực tiễn sản xuất.

14. Đẩy nhanh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong nông nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ; nghiên cứu chọn tạo các giống cây, con mới có năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng cao phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh; chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ địa bàn nông thôn, trước hết là công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản; chuyển giao các tiến bộ KH-CN trong nông nghiệp, nhất là công nghệ giống, bảo quản, chế biến nông sản, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm. Tập trung khai thác và tận dụng tốt nhất lợi thế của nền nông nghiệp hiện có của tỉnh; đưa nhanh các tiến bộ khoa học công nghệ để xây dựng và phát triển các vùng chuyên canh có quy mô phù hợp theo hình thức trang trại...; phát triển các mặt hàng nông sản có thể mạnh cạnh tranh từ ưu thế của địa phương trong sản xuất lúa các loại đặc biệt lúa giống, lúa chất lượng cao, cây ăn quả (nhãn và Vải trứng) cây rau màu, con vật nuôi và nuôi trồng thủy, hải sản..

15. Đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm xây dựng nền hành chính trong sạch, liêm chính, hiện đại, chuyên nghiệp, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ; đề cao trách nhiệm người đứng đầu, tập trung chỉ đạo về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong cơ quan, đơn vị; xử lý nghiêm túc, kịp thời theo thẩm quyền đối với công chức, viên chức có hành vi vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, chậm trễ trong thực hiện nhiệm vụ được giao..Tiếp tục thực hiện kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước và theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

Trên đây là báo cáo tổng kết công tác ngành Nông nghiệp và Môi trường năm 2025, triển khai nhiệm vụ năm 2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- LĐ Ủy ban nhân dân tỉnh;
- VP Tỉnh ủy;
- VP UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Kiên